TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23- 4- 2020
V/v ly hôn giữa chị Quyên và anh Ba

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Hoàng

2. Ông Ngọc Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động *tham gia phiên toà:* Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên;

Ngày 14 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 31/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Triệu Thị Q**, sinh năm 1999; nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã T, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã L, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bị đơn: **Phùn Văn B**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Triệu Thị Q trình bày: Chị kết hôn với anh Phùn Văn B từ năm 2017 trên cơ sở thỏa thuận tự

nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/5/2017 tại UBND xã T, huyện Sơn Động. Tình cảm vợ chồng ban đầu có hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2019, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không cải thiện được. Vợ chồng chị sống ly thân nhau từ cuối năm 2019 đến nay. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Phùn Văn B được ly hôn nhau.

Vợ chồng có 1 con chung là Phùn Ngọc V, sinh ngày 23/01/2015, hiện tại cháu Vi đang ở cùng anh B. Sau khi ly hôn, chị Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Tại phiên tòa, chị Q giữ nguyên ý kiến về quan hệ hôn nhân, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh B được ly hôn; về nuôi dưỡng con chung, chị Q thay đổi yêu cầu về nuôi dưỡng con chung, chị đồng ý giao cháu V cho anh B nuôi dưỡng.

2. Bị đơn là anh Phùn Văn B trình bày: Anh xác nhận chị Q trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng; quá trình chung sống với nhau tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc; đầu năm 2019 chị Q xin phép gia đình đi làm công ty và được gia đình anh đồng ý. Cuối năm 2019 chị Q không về nhà mà chuyển đến nhà mẹ đẻ sinh sống, anh có đến đón nhưng chị Q không về. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh không chửi mắng, đánh đập chị Q, anh cũng không biết lý do gì chị Q lại bỏ đi như vậy. Đến nay anh vẫn còn thương yêu chị Q, anh mong muốn đoàn tụ vợ chồng nên chị Q xin ly hôn, anh không nhất trí.

Anh B xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị Q trình bày là đúng, hiện cháu V đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm ruộng, lúc nông nhàn anh có đi làm thuê để tăng thêm thu nhập. Mức thu nhập bình quân của anh khoảng 4.000.000đồng/ tháng, ngoài ra anh ở cùng với bố mẹ nên còn được bố mẹ trợ giúp việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V, anh xác định đủ điều kiện để nuôi con.

Anh B cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

4. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng; các đương sự chấp hành tốt và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng

cứ, anh B tham dự nhưng không ký vào biên bản, sau đó tự ý bỏ về không tham dự phiên hòa giải, anh B vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 – Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Triệu Thị Q và anh Phùn Văn B, giao cháu Phùn Ngọc V cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con; không đặt ra xem xét, giải quyết quan hệ về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, anh B tham dự nhưng không ký vào biên bản, sau đó tự ý bỏ về không tham dự phiên hòa giải là vi phạm về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 – Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành giao Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 210 – BLTTDS. Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì anh B là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Q và anh Phùn Văn B kết hôn với nhau từ tuân theo các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 – Luật Hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Sơn Động vào ngày 25/5/2017. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh B là hợp pháp; nay chị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi dưỡng con chung, Tòa án thụ lý vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Q và anh B duy trì cuộc sống chung đến cuối năm 2019 thì sống ly thân nhau; nay chị Q xác định tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn; mặc dù anh B mong muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn, anh B không chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị Q. Xét thấy, chị Q và anh B đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nghĩa vụ chung sống với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân

không đạt được; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Q và anh B có một con chung là cháu Phùn Ngọc V, sinh ngày 23/01/2015, hiện tại anh B đang nuôi dưỡng cháu V. Sau khi ly hôn anh B có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con. Ban đầu chị Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị Q đồng ý cho anh B được nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là đúng với nguyện vọng của hai bên.

[4] Về án phí: Chị Q yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 57, 81, 82, 83, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, Điều 28 và khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Triệu Thị Qvà anh Phùn Văn B.

2. Về con chung:

Giao cho anh Phùn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phùn Ngọc V, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2015;

Chị Triệu Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Triệu Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Triệu Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/007130 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động; chị Q không phải nộp án phí nữa.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hằng

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ, VP.